



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Bay Area Compliance Laboratories Corp.Viet Nam**

Laboratory: **Bay Area Compliance Laboratories Corp.Viet Nam**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Bay Area Compliance Laboratories Corp.Viet Nam**

Organization: **Bay Area Compliance Laboratories Corp.Viet Nam Company Limited**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1627**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Điện - Điện tử**

Field: **Electrical - Electronic**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Yohn Yuk Chan**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /7/2026 đến ngày 10/6/2031**

Địa chỉ/
Address: **Tầng 2, số 261 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**

2nd Floor, No. 261 Hoang Van Thu Street, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Địa điểm/
Location: **Lô số 3, Cụm công nghiệp Lai Xá, xã Hoài Đức, Tp. Hà Nội, Việt Nam**

Lot No. 03, Lai Xa Industrial Cluster, Hoai Duc Commune, Hanoi, Vietnam

Điện thoại/ Tel: **0364081120**

E-mail: **qa.hn@baclcorp.com**

Website: **https://baclcorp.com.vn/**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1627

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện - Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thiết bị Camera giám sát sử dụng giao thức Internet <i>Surveillance cameras using Internet Protocol</i>	Kiểm thử khởi tạo mật khẩu duy nhất <i>Creating a Unique Password test</i>	--	(a) QCVN 11:2026/BCA
2.		Kiểm thử quản lý lỗ hổng bảo mật <i>Security Vulnerability Management test</i>	--	
3.		Kiểm thử quản lý cập nhật <i>Update Management test</i>	--	
4.		Kiểm thử lưu trữ các tham số an toàn nhạy cảm <i>Storing sensitive security parameters test</i>	--	
5.		Kiểm thử quản lý kênh giao tiếp an toàn <i>Managing secure communication channels test</i>	--	
6.		Kiểm thử phòng chống tấn công thông qua các giao diện của thiết bị <i>Preventing attacks through device interfaces test</i>	--	
7.		Kiểm thử bảo vệ dữ liệu người sử dụng <i>Protecting user data test</i>	--	
8.		Kiểm thử khả năng tự khôi phục lại hoạt động bình thường sau sự cố <i>Ability to automatically restore normal operation after a malfunction test</i>	--	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1627**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Thiết bị Camera giám sát sử dụng giao thức Internet <i>Surveillance cameras using Internet Protocol</i>	Kiểm thử xóa dữ liệu trên thiết bị camera <i>Delete data on the camera device test</i>	--	(a) QCVN 11:2026/BCA
10.		Kiểm thử xác thực dữ liệu đầu vào <i>Input Data Validation test</i>	--	
11.		Kiểm thử bảo vệ dữ liệu trên thiết bị camera <i>Protecting data on camera devices test</i>	--	

Ghi chú/ Note:

- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Việt Nam / *Vietnam National technical regulation*;

- (a): Tiêu chuẩn được cập nhật tháng 7/2026/ *Standard updated July, 2026*;

Trường hợp Công Ty TNHH Bay Area Compliance Laboratories Corp.Viet Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công Ty TNHH Bay Area Compliance Laboratories Corp.Viet Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Bay Area Compliance Laboratories Corp.Viet Nam Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

